

Bản án số: 165/2026/DSST

Ngày: 09-4-2026

“V/v Tranh chấp kiện đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào;
2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia phiên tòa: Bà Thị Kim Lài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang (cơ sở 2), xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 454/2025/TLST-DS ngày 25/12/2025 về việc “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2026/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Hoàng D - sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã V, tỉnh A.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B - sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã V, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Hoàng D trình bày: Vào năm 2017 tôi có cho ông Nguyễn Văn B mượn 02 chỉ vàng 24k loại và 15.000.000 đồng và ông B hứa trong vòng 01 tháng sẽ trả lại cho tôi nhưng ông B chỉ trả cho tôi được 01 chỉ vàng 24k loại 9999 và 8.000.000 đồng còn thiếu lại tôi 01 chỉ vàng 24k loại 9999 và 7.000.000 đồng. Đã hơn 07 năm trôi qua mà ông B vẫn chưa trả vàng và tiền cho tôi nên tôi có gửi đơn và được Ban lãnh đạo ấp E, xã V (cũ). Đến ngày 17/3/2025 thì Ban lãnh đạo ấp E, xã V (cũ) mời tôi và ông B lên hòa giải thì ông B có thừa nhận còn

thiếu tiền vàng và tiền nêu trên và hứa mỗi tháng trả cho tôi 1.000.000 đồng cho hết số tiền 7.000.000 đồng và tiếp tục trả số vàng 01 chỉ vàng 24k loại 9999 mượn của tôi nhưng đến thời điểm hiện nay tôi đã nhiều lần đến nhà ông B yêu cầu trả tiền và vàng nhưng ông B chỉ hứa suông chứ không có ý định trả tiền và vàng cho tôi.

Nay, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho tôi số tiền và vàng còn thiếu là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và 01 chỉ vàng 24k loại. Ngoài ra, tôi không yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B thì từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Nguyễn Văn B đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với đương sự nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn vắng mặt nên không theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Hoàng D đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B. Buộc ông Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đặng Hoàng D số tiền và vàng còn thiếu là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và 01 chỉ vàng 24k loại 9999.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông Đặng Hoàng D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn B phải trả số tiền và vàng còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn B là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông B được tổng đạt hợp lệ vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Ông Đặng Hoàng D có cho ông Nguyễn Văn B mượn 02 chỉ vàng 24k loại 9999 và 15.000.000 đồng, hứa trong vòng 01 tháng sẽ trả lại cho ông D nhưng ông B chỉ trả cho ông D được 01 chỉ vàng 24k loại 9999 và 8.000.000 đồng còn thiếu lại 01 chỉ vàng 24k loại 9999 và 7.000.000 đồng mà không thực hiện để kéo dài đến nay.

[3] Xét về yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Ông Đặng Hoàng D có cho ông Nguyễn Văn B mượn 02 chỉ vàng 24k loại 9999 và 15.000.000 đồng, hứa trong vòng 01 tháng sẽ trả lại cho ông D nhưng ông B chỉ trả cho ông D được 01 chỉ vàng 24k loại 9999 và 8.000.000 đồng còn thiếu lại 01 chỉ vàng 24k loại 9999 và 7.000.000 đồng chưa thanh toán cho ông D nên ông D yêu cầu ông B trả tiền nhiều lần nhưng ông B hứa trả mà không thực hiện. Do đó, ông D yêu cầu áp E, xã V (cũ) giải quyết nên tại biên bản hòa giải ngày 17/3/2025 của áp E, xã V (cũ) thì ông Nguyễn Văn B thừa nhận còn nợ ông D số tiền và vàng nêu trên và ông cam kết mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết 7.000.000 đồng, khi trả hết 7.000.000 đồng thì tiếp tục trả 01 chỉ vàng 24k loại 9999 nữa là hết nợ nhưng ông B không thực hiện biên bản hòa giải ngày 17/3/2025, mà để kéo dài đến nay chưa thanh toán được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng D là có căn cứ và đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Đối với ông Nguyễn Văn B là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, khi ông B thực hiện giao dịch với ông D thì ông có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông cư trú, hiện nay ông B vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng cho ông B đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng ông B không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông. Từ đó, cho thấy ông Nguyễn Văn B đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng D. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn B theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, HĐXX căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết. Do đó, HĐXX căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 17/3/2025 của áp E, xã V (cũ), buộc ông Nguyễn Văn B phải trả số tiền và vàng còn nợ cho ông Đặng Hoàng D là 7.000.000 đồng và 01 vàng 24k loại 9999.

[5] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét đề

ngợi của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Hoàng D đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B. Do đó, buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho ông Đặng Hoàng D số tiền và vàng là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và 01 (một) chỉ vàng 24k loại 9999.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về án phí DSST là: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Yêu cầu của ông Đặng Hoàng D được Tòa án chấp nhận nên ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $[7.000.000 \text{ đồng} + (01 \text{ chỉ vàng } 24\text{k loại } 9999 \times 15,740.000 \text{ đồng})] \times 5\% = 1.137.000 \text{ đồng}$ (một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Ông Đặng Hoàng D thuộc diện người cao tuổi nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, ông Đặng Hoàng D đã được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 280 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đặng Hoàng D đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn B.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho ông Đặng Hoàng D số tiền và vàng là 7.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k loại 9999.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: Là 1.137.000 đồng (một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng) buộc ông Nguyễn Văn B phải nộp.

Ông Đặng Hoàng D thuộc diện người cao tuổi nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, ông Đặng Hoàng D đã được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 09/4/2026.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- Cơ quan THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh